

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/KDTM-ST

Ngày: 19/4/2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2024/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu X – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trụ sở: 229 Hồng Lạc, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Cường, là đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

Địa chỉ: 65/14 Phan Sào Nam, Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y – vắng mặt.

Trụ sở: 170 Quốc lộ 1A, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lưu Văn Nội, sinh năm: 1952, là đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng thành viên).

Địa chỉ: B24.01 Hoàng Anh River View, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu X, có ông Huỳnh Văn Cường là đại diện theo pháp luật trình bày: Ngày 29/12/2020, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng kinh tế để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc Công ty TNHH Y thanh toán ngay số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/10/2023 là 962.000.000 đồng; Trong đó, nợ gốc là 852.000.000 đồng, tiền phạt (8%) là 68.000.000 đồng, lãi phát sinh theo mức 1%/tháng tạm tính từ ngày 18/5/2023 đến ngày 16/10/2023 là 42.000.000 đồng. Buộc Công ty TNHH Tân Vĩnh Phát phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 17/10/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Ngày 27/3/2024, nguyên đơn đề nghị rút lại yêu cầu đối với số tiền phạt 8% giá trị hợp đồng là 68.000.000 đồng; các yêu cầu khác nguyên đơn giữ nguyên.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn đối với bị đơn về việc thanh toán số tiền nợ gốc: 852.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán tính từ ngày 18/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất: 12%/năm = 93.720.000 đồng, là có căn cứ do các bên đã có

đối chiếu xác nhận công nợ, phù hợp về yêu cầu tính lãi theo nội dung án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về việc thanh toán tiền mua hàng hóa theo hợp đồng đã ký. Các đương sự là pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ theo Văn bản số 1408/ĐKKD-T6 ngày 19/02/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn có trụ sở hoạt động tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa đăng ký giải thể. Vì vậy, căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 27/3/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn (không có mặt người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng) đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất kỳ một ý kiến gì về vụ án trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể xem xét các ý kiến, yêu cầu của đương sự trong vụ án và đương sự đương nhiên phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi trong vụ án này.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

3. Về yêu cầu của đương sự:

3.1. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế ký ngày 29/12/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện nguyên đơn sẽ cung cấp ống giấy cho bị đơn; số lượng theo từng lần đặt hàng; giá cả theo giá thị trường và theo từng thời điểm, hai bên sẽ làm phụ lục hợp đồng kèm theo. Việc giao nhận hàng thực hiện tại kho bên mua; thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 40 ngày, kể từ ngày bên bán giao hoá đơn giá trị gia tăng cho bên mua.

Thực hiện hợp đồng trên, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn theo thỏa thuận.

Tại Bản báo công nợ ngày 05/10/2022, các bên xác định số tiền mua hàng là 914.212.360 đồng; trong đó nợ cũ là 638.300.440 đồng, nợ mới theo các hoá đơn số 64 ngày 16/7/2022 (75.420.720 đồng), 68 ngày 29/7/2022 (36.709.200 đồng), 80 ngày 31/8/2022 (83.430.000 đồng), 83 ngày 23/9/2022 (51.840.000 đồng) và 87 ngày 29/9/2022 (28.512.000 đồng) là 275.911.920 đồng. Bị đơn đã thanh toán được 200.000.000 đồng vào ngày 23/8/2022 nên số tiền bị đơn còn nợ theo Bản báo công nợ nêu trên là 714.212.360 đồng.

Tại Bản báo công nợ ngày 22/9/2023, nguyên đơn xác nhận bị đơn còn nợ tổng số tiền là 1.022.481.640 đồng; trong đó nợ gốc là 714.212.440 đồng, nợ mới theo các hoá đơn số 93 ngày 31/10/2022 (51.840.000 đồng), 98 ngày 14/11/2022 (43.999.200 đồng), 101 ngày 28/11/2022 (52.484.760 đồng), 109 ngày 22/12/2022 (57.513.240 đồng), 03 ngày 13/01/2023 (57.618.000 đồng), 08 ngày 23/02/2023 (28.809.000 đồng) và 20 ngày 03/4/2023 (16.005.000 đồng) là 308.269.200 đồng. Nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán được 150.000.000 đồng vào ngày 02/11/2022 và 20.000.000 đồng vào ngày 03/4/2023. Do đó, số tiền bị đơn còn nợ theo Bản báo công nợ nêu trên là 852.481.640 đồng, nguyên đơn tính tròn thành 852.000.000 đồng.

Tại Điều 50 của Luật Thương mại 2005 quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và quy định của pháp luật...”

Xét thấy, tại Điều 3 của Hợp đồng quy định: *“Bên B thanh toán cho bên A bằng chuyển khoản trong vòng 40 ngày kể từ ngày bên A giao hàng và hoá đơn giá trị gia tăng cho bên B”*. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng nên yêu

cầu buộc bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nợ gốc 852.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền lãi là: 93.720.000 đồng.

Tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 quy định:

“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”.

Căn cứ theo nội dung án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xác định mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 03 ngân hàng tại địa phương để tính lãi chậm thanh toán.

Căn cứ theo theo lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Xuyên Á (9,5%/năm), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (10,2%/năm) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (8,5%/năm), xác định được lãi suất quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử là 14,1%/năm (1,175%/tháng).

Xét, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức 12%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi chậm thanh toán bị đơn phải chịu tính từ ngày 18/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/4/2024) là: 852.000.000 đồng x 12%/12 tháng x 11 tháng = 93.720.000 đồng.

3.3. Về phạt vi phạm: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phạt (8%) giá trị hợp đồng là 68.000.000 đồng do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 50 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu X.

1.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu X số tiền còn nợ là: 945.720.000 (chín trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là: 852.000.000 (tám trăm năm mươi hai triệu) đồng và lãi là: 93.720.000 (chín mươi ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phạt vi phạm (8%) giá trị hợp đồng do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 40.371.600 (bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y chịu.

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.430.000 (hai mươi triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2023/0030936 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký